TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:69/2019/DS-ST
Ngày 28 - 6 - 2019
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ D.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:51/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Văn L, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp H H, xã T T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Anh Lâm Thanh D, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp H H, xã T T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Lê Hồng T, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp H H, xã T T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Trần Văn L trình bày: Anh có tham gia chơi hụi trong dây hụi do anh Lâm Thanh D và chị Lê Hồng T làm chủ hụi, cụ thể:

- Dây hụi 500.000 đồng, mở vào ngày 15/10/2017 âl, 01 tháng khui 02 lần, dây hụi gồm 56 chưng, anh L tham gia 02 chưng. Quá trình tham gia hụi đã đóng hụi được 26 lần với số tiền 26.000.000 đồng.

Đến ngày 26/12/2018, anh D, chị T tuyên bố đình hụi nhưng không giao hụi chết cho anh. Nay anh L yêu cầu anh D, chị T trả cho anh số tiền hụi 25.400.000

đồng. Việc chị T làm chủ hụi thì anh D có biết. Do đó anh L yêu cầu anh D cùng có trách nhiệm trả nợ với chị T.

Chị Lê Hồng T trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh L về thời gian mở hụi, loại hụi, số chưng hụi anh L tham gia. Việc chị tuyên bố đình hụi là do các hụi viên hốt hụi nhưng không đóng lại hụi nên không có khả năng lấp hụi. Nay chị thống nhất trả cho anh L số tiền vốn là 20.000.000 đồng. Việc chị làm đầu thảo thì anh D có biết nhưng không tham gia.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm, không có yêu cầu khác. Chị T yêu cầu được trả tiền vốn hụi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Văn L khởi kiện yêu cầu anh Lâm Thanh D và chị Lê Hồng T trả tiền hụi là vụ kiện tranh chấp hụi, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh D.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh L thấy rằng: Việc giao dịch hụi giữa các bên là trên cơ sở tự nguyện, được anh L và chị T thừa nhận tại biên bản hòa giải của Tòa án cũng như tại phiên tòa. Việc chị T xác định nợ anh L số tiền hụi 25.400.000 đồng là thực tế có xãy ra, chị T thừa nhận tại biên bản hòa giải của chính quyền ấp H H, xã T T ngày 26/12/2018. Anh L yêu cầu chị T trả số tiền 25.400.000 đồng, được chị T không đồng ý, mà chỉ đồng ý trả vốn là 20.000.000 đồng, chị T chỉ đồng ý một mình chị trả, chị không đồng ý việc anh D cùng trả.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc chị T làm chủ hụi trong thời gian chị T và anh D còn chung sống với nhau, việc chị T làm chủ hụi để nhận tiền hoa hồng là nhằm mục đích phục vụ cho cuộc sống của gia đình. Do đó, có đủ căn cứ khẳng định số nợ trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng nên anh D phải có trách nhiệm cùng chị T trả số nợ trên cho anh L.

Xét về khoản tiền phải trả, thấy rằng: Tại phiên tòa chị T yêu cầu được trả tiền vốn hụi là 20.000.000 đồng, chị xin không trả lãi hụi, việc này nguyên đơn không đồng ý. Mặt khác, anh L và chị T không nhớ, không có sổ sách ghi chép số tiền thực tế đã đóng của mỗi kỳ khui hụi và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện số tiền vốn hụi là bao nhiêu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận khoản tiền vốn, lãi 25.400.000 đồng theo thỏa thuận của hai bên là có căn cứ.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị T và anh D phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể: 25.400.000 đồng x 5% = 1.270.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn L.

1. Buộc chị Lê Hồng Thắm và anh Lâm Thanh D phải có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn L số tiền hụi 25.400.000 đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

2. Kể từ ngày anh Trần Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lê Hồng T và anh Lâm Thanh D chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng chị T, anh D còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự: Chị Lê Hồng T và anh Lâm Thanh D phải chịu 1.270.000 đồng (một triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng). Anh Trần Văn L không phải chịu. Ngày 18 tháng 02 năm 2018 anh Trần Văn L đã dự nộp 650.000 đồng tại biên lai số 0008987 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được hoàn lại.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đ D;
- Chi cục THADS huyện Đ D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hồ Ngọc Yến